

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 và Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 08/BDT-CS ngày 05/01/2024 và Sở Tài chính tại Công văn số 23/TTr-STC ngày 19/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024, cụ thể như sau:

1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024, với tổng số tiền **182.598 triệu đồng** theo chi tiết tại **Phụ lục số 01** đính kèm Quyết định này.

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung với số tiền là 158.780 triệu đồng và vốn đối ứng ngân sách tỉnh với số tiền

là 23.818 triệu đồng được giao tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh.

2. Điều chỉnh dự toán một số nguồn kinh phí sự nghiệp đã giao Ban Dân tộc tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND của UBND tỉnh, nhằm đảm bảo tỷ lệ đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện khoản 1 nêu trên, nội dung chi tiết tại **Phụ lục số 02** đính kèm Quyết định này.

3. Điều chỉnh giảm dự toán đã giao cho Ban Dân tộc với số tiền **22.447 triệu đồng** để bổ sung dự toán cho các đơn vị khác và bổ sung mục tiêu cho ngân sách các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn theo chi tiết tại **Phụ lục số 03** đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K19, K20.

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC SỐ 01
PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sự nghiệp	Trong đó		Chi theo sự nghiệp
			NSTW bổ sung mục tiêu	Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh	
A	B	1=2+3	2	3	4
	TỔNG SỐ	182.598	158.780	23.818	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	7.012	6.098	914	Sự nghiệp kinh tế
1	Huyện An Lão	1.406	1.223	183	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	2.548	2.216	332	
3	Huyện Vân Canh	2.222	1.932	290	
4	Huyện Hoài Ân	554	482	72	
5	Huyện Tây Sơn	282	245	37	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	140	121	19	Sự nghiệp kinh tế
1	Huyện An Lão	56	49	7	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	28	24	4	
3	Huyện Vân Canh	28	24	4	
4	Huyện Hoài Ân	28	24	4	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	111.892	97.298	14.594	Sự nghiệp kinh tế
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	74.005	64.351	9.654	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (20% vốn TDA)	74.005	64.351	9.654	(1)
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	37.887	32.947	4.940	
	* Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	30.310	26.358	3.952	
	Huyện An Lão	11.037	9.597	1.440	
	Huyện Vĩnh Thạnh	7.397	6.433	964	
	Huyện Vân Canh	6.630	5.766	864	
	Huyện Hoài Ân	3.679	3.199	480	
	Huyện Tây Sơn	1.567	1.363	204	
	* Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	7.577	6.589	988	
	Ban Dân tộc tỉnh (25%)	1.895	1.648	247	
	Sở Công Thương (20%)	1.516	1.318	198	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (5%)	378	329	49	
	Tinh đoàn (5%)	378	329	49	

STT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sự nghiệp	Trong đó		Chi theo sự nghiệp
			NSTW bổ sung mục tiêu	Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh	
	Hội Nông dân (5%)	378	329	49	
	Huyện An Lão	1.104	960	144	
	Huyện Vĩnh Thạnh	740	643	97	
	Huyện Vân Canh	664	577	87	
	Huyện Hoài Ân	368	320	48	
	Huyện Tây Sơn	156	136	20	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	9.773	8.498	1.275	Sự nghiệp kinh tế
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	<i>9.773</i>	<i>8.498</i>	<i>1.275</i>	
1	<i>Huyện An Lão</i>	<i>3.508</i>	<i>3.050</i>	<i>458</i>	
	Xã An Trung	433	376	57	
	Xã An Hưng	433	376	57	
	Xã An Dũng	436	379	57	
	Xã An Vinh	434	377	57	
	Xã An Quang	430	374	56	
	Xã An Nghĩa	431	375	56	
	Xã An Toàn	439	382	57	
	Thị trấn An Lão	401	349	52	
	Xã An Tân (Thôn Gò Đồn)	71	62	9	
2	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	<i>2.441</i>	<i>2.122</i>	<i>319</i>	
	Xã Vĩnh Sơn	413	359	54	
	Xã Vĩnh Kim	420	365	55	
	Xã Vĩnh Hiệp	412	358	54	
	Xã Vĩnh Hòa	421	366	55	
	Xã Vĩnh Thuận	416	362	54	
	Thị trấn Vĩnh Thạnh (Khu phố Kon Kring và Khu phố Klot Pok)	144	125	19	
	Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)	144	125	19	
	Xã Vĩnh Hào (Thôn Tà Điệp)	71	62	9	
3	<i>Huyện Vân Canh</i>	<i>2.113</i>	<i>1.838</i>	<i>275</i>	
	Xã Canh Liên	432	376	56	
	Xã Canh Thuận	419	365	54	
	Xã Canh Hòa	434	377	57	
	Xã Canh Hiệp	434	377	57	
	Thị trấn Vân Canh	394	343	51	
4	<i>Huyện Hoài Ân</i>	<i>1.204</i>	<i>1.047</i>	<i>157</i>	
	Xã Đăk Mang	401	349	52	
	Xã Bók Tới	399	347	52	
	Xã Ân Sơn	404	351	53	
5	<i>Huyện Tây Sơn</i>	<i>507</i>	<i>441</i>	<i>66</i>	
	Xã Vĩnh An	436	379	57	
	Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sim)	71	62	9	

STT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sự nghiệp	Trong đó		Chi theo sự nghiệp
			NSTW bổ sung mục tiêu	Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	24.012	20.880	3.132	Sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề
1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>	4.391	3.818	573	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.391	3.818	573	
2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN</i>	4.292	3.732	560	
2.1	<i>Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</i>	3.434	2.986	448	
	Ban Dân tộc tỉnh	3.434	2.986	448	
2.2	<i>Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN</i>	858	746	112	
	UBND huyện An Lão	858	746	112	(2)
3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN</i>	8.622	7.497	1.125	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (60%)	5.173	4.498	675	
	Huyện An Lão	1.114	969	145	
	Huyện Vĩnh Thạnh	650	565	85	
	Huyện Vân Canh	1.462	1.271	191	
	Huyện Tây Sơn	223	194	29	
4	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	6.707	5.833	874	
	Ban Dân tộc tỉnh (40% vốn Tiểu dự án)	2.683	2.333	350	
	Huyện An Lão	1.435	1.248	187	
	Huyện Vĩnh Thạnh	975	848	127	
	Huyện Vân Canh	887	771	116	
	Huyện Hoài Ân	532	463	69	
	Huyện Tây Sơn	195	170	25	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	6.506	5.657	849	Sự nghiệp văn hoá thông tin
	Sở Văn hóa và Thể thao (25%)	1.626	1.414	212	
	Sở Du lịch (5%)	325	283	42	
	Huyện An Lão	1.974	1.716	258	
	Huyện Vĩnh Thạnh	706	614	92	
	Huyện Vân Canh	1.413	1.228	185	
	Huyện Tây Sơn	462	402	60	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	5.895	5.126	769	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
	Sở Y tế (50% vốn SN)	2.947	2.563	384	

STT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sự nghiệp	Trong đó		Chi theo sự nghiệp
			NSTW bổ sung mục tiêu	Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh	
	Huyện An Lão	1.072	932	140	
	Huyện Vĩnh Thạnh	671	583	88	
	Huyện Vân Canh	669	582	87	
	Huyện Hoài Ân	403	350	53	
	Huyện Tây Sơn	133	116	17	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	8.947	7.780	1.167	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh (30% vốn SN)	2.684	2.334	350	
	Huyện An Lão	2.194	1.908	286	
	Huyện Vĩnh Thạnh	1.607	1.397	210	
	Huyện Vân Canh	1.338	1.164	174	
	Huyện Hoài Ân	803	698	105	
	Huyện Tây Sơn	321	279	42	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	3.237	2.814	423	
1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	3.237	2.814	423	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Ban Dân tộc tỉnh (30%)	971	844	127	
	Huyện An Lão	824	716	108	
	Huyện Vĩnh Thạnh	515	448	67	
	Huyện Vân Canh	515	448	67	
	Huyện Hoài Ân	308	268	40	
	Huyện Tây Sơn	104	90	14	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	5.184	4.508	676	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030	2.623	2.281	342	Sự nghiệp văn hoá thông tin
	Ban Dân tộc tỉnh (35%)	918	798	120	
	Sở Tư pháp (5%)	131	114	17	
	Sở Thông tin và Truyền thông (5%)	131	114	17	
	Huyện An Lão	525	456	69	
	Huyện Vĩnh Thạnh	327	285	42	
	Huyện Vân Canh	327	285	42	
	Huyện Hoài Ân	197	171	26	
	Huyện Tây Sơn	67	58	9	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	1.180	1.026	154	Sự nghiệp văn hoá thông tin
	Ban Dân tộc tỉnh (20% vốn SN)	236,00	205	31	

STT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sự nghiệp	Trong đó		Chi theo sự nghiệp
			NSTW bổ sung mục tiêu	Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh	
	Liên minh HTX tỉnh (15% vốn SN)	177,00	154	23	
	Sở Thông tin và Truyền thông (15% vốn SN)	177,00	154	23	
	Huyện An Lão	214,00	186	28	
	Huyện Vĩnh Thạnh	136,00	118	18	
	Huyện Vân Canh	133,00	116	17	
	Huyện Hoài Ân	79,00	69	10	
	Huyện Tây Sơn	28,00	24	4	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.381	1.201	180	Sự nghiệp kinh tế
	Ban Dân tộc tỉnh (26%)	361	313	48	
	Sở NN&PTNT (3%)	41	36	5	
	Sở Giáo dục và Đào tạo (3%)	41	36	5	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (3%)	41	36	5	
	Sở Văn hoá và Thể thao (3%)	41	36	5	
	Sở Y tế (3%)	41	36	5	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư (3%)	41	36	5	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (3%)	41	36	5	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (4%)	55	48	7	
	Sở Tài chính (2%)	28	24	4	
	Sở Tư pháp (2%)	28	24	4	
	Sở Công Thương (2%)	28	24	4	
	Hội Nông dân tỉnh (1,5%)	21	18	3	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (1,5%)	21	18	3	
	Huyện An Lão	201	175	26	
	Huyện Vĩnh Thạnh	126	109	17	
	Huyện Vân Canh	126	109	17	
	Huyện Hoài Ân	74	65	9	
	Huyện Tây Sơn	25	22	3	

Ghi chú:

(1) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện trình UBND tỉnh Quyết định phân bổ chi tiết để thực hiện.

(2) Giao UBND huyện An Lão phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện theo quy định.

UBND các huyện có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí đối ứng từ ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh ./.

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nguồn kinh phí sự nghiệp Trung ương bổ sung tại Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp)	Dự toán đã giao cho Ban Dân tộc tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh (kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp)	Tỷ lệ vốn đối ứng các sự nghiệp	Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm nguồn sự nghiệp	Dự toán giao Ban Dân tộc kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp) sau điều chỉnh	Tỷ lệ vốn đối ứng các sự nghiệp sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5=4/3	6	7=4+6	8=7/3	9,0
	Tổng cộng	158.780	23.818	15%		23.818	15%	
1	Sự nghiệp kinh tế	113.216	17.472	15%	-490	16.982	15%	
2	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.880	3.702	18%	-570	3.132	15%	
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin	8.964	1.349	15%	-4	1.345	15%	
4	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.126	503	10%	266	769	15%	
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	10.594	792	7%	798	1.590	15%	

PHỤ LỤC SỐ 03

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán giao kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp) năm 2024	Ghi chú
	Tổng cộng	22.447	
I	Sự nghiệp kinh tế	16.687	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	9.659	
2	Sở Công thương	202	
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	52	
4	Tỉnh đoàn	49	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5	
7	Sở Văn hoá và Thể thao	5	
8	Sở Y tế	5	
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	
10	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	5	
11	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	7	
12	Sở Tài chính	4	
13	Sở Tư pháp	4	
14	Hội Nông dân tỉnh	52	
15	Huyện An Lão	2.258	
16	Huyện Vĩnh Thạnh	1.733	
17	Huyện Vân Canh	1.537	
18	Huyện Hoài Ân	770	
19	Huyện Tây Sơn	330	
II	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.334	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	573	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	675	
3	Huyện An Lão	444	
4	Huyện Vĩnh Thạnh	212	
5	Huyện Vân Canh	307	
6	Huyện Hoài Ân	69	
7	Huyện Tây Sơn	54	

STT	Đơn vị	Dự toán giao kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp) năm 2024	Ghi chú
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin	1.194	
1	Sở Văn hóa và Thể thao	212	
2	Sở Du lịch	42	
3	Sở Tư pháp	17	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	40	
5	Liên minh HTX tỉnh	23	
6	Huyện An Lão	355	
7	Huyện Vĩnh Thạnh	152	
8	Huyện Vân Canh	244	
9	Huyện Hoài Ân	36	
10	Huyện Tây Sơn	73	
IV	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	769	
1	Sở Y tế	384	
2	Huyện An Lão	140	
3	Huyện Vĩnh Thạnh	88	
4	Huyện Vân Canh	87	
5	Huyện Hoài Ân	53	
6	Huyện Tây Sơn	17	
V	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.463	
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	350	
2	Huyện An Lão	394	
3	Huyện Vĩnh Thạnh	277	
4	Huyện Vân Canh	241	
5	Huyện Hoài Ân	145	
6	Huyện Tây Sơn	56	